TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2026/HS-ST
Ngày 20-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hiền và ông Nguyễn Phúc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hường, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hoài An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2026/TLST-HS ngày 30/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐXXST-HS ngày 09/3/2026 đối với các bị cáo:

1. LÊ ĐÌNH T, sinh năm 1991; số Căn cước: 001091047202; ĐKHKTT: Tổ dân phố C, phường Y, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị Vân A (đã ly hôn) và 01 con;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Bản án hình sự số 121/2012/HSST ngày 27/02/2012 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt Lê Đình T 24 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án, đã được xóa án tích.

+ Bản án hình sự số 91/2018/HSST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt Lê Đình T 20 tháng tù về Tội cưỡng đoạt tài sản, đã được xóa án tích.

Tạm giam: từ ngày 31/3/2025 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

2. ĐỒNG KHOA VŨ, sinh năm 1995; số Căn cước: 008095000207; ĐKHKTT

và nơi ở: Căn hộ I, Tòa nhà C, Khu nhà ở Bộ Tư lệnh T, Tổ dân phố B, phường Y, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Thế H1 và bà Nguyễn Thị Tuyết M; có vợ là Phạm Anh T2 và 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đình T: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; ĐKHKTT: Tổ dân phố C, phường Y, thành phố Hà Nội; là mẹ đẻ của bị cáo; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình T: Bà Vũ Thị V, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, hành nghề tại Văn phòng L; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đồng Khoa V1: Ông Văn Trường C, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, hành nghề tại Văn phòng L1; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/9/2024, Đ V1 điều khiển xe máy đi mua xăng, V1 mua 500ml đựng vào vỏ chai nước muối sinh lý Natri Clorid dung tích 500ml mang về. Trên đường về, V1 vào quán C1 ở khu vực ngã 3, giao cắt giữa đường Q (Quốc lộ F) với đường đi vào Bộ Tư lệnh T, thuộc Tổ dân phố A, phường Y, quận H (chủ quán là chị Nguyễn Thị H2) để uống nước. V1 mang theo chai xăng nêu trên và đặt lên bàn uống nước, rồi V1 ngồi uống nước, hút thuốc lào. Chai đựng xăng bị kênh hở nắp nên Vũ xoáy nắp chai xăng ra để xoáy lại, do sơ ý đã làm đổ một ít xăng xuống bàn uống nước. Lúc này có Lê Đình T cũng đang ngồi uống nước, thấy trong quán có nhiều người ngồi hút thuốc lào nên T nhắc nhở Vũ đóng nắp chai đựng xăng lại cho đỡ mùi xăng và tránh gây hỏa hoạn. Tuyên và V1 xảy ra mâu thuẫn lời qua tiếng lại, cãi chửi nhau. Trong lúc cãi nhau, V1 cầm chai xăng đổ xăng ra mặt bàn uống nước bằng đá rồi châm lửa đốt cháy. Thấy vậy, T nói "Mày định đốt tao à", sau đó hai bên tiếp tục cãi chửi nhau, T bực tức đã cầm chiếc điếu cày bằng tre trong quán nước, đánh trúng người V1 rồi bị văng điếu cày khỏi tay. Bị đánh, V1 liền cầm điếu cày và chai xăng đuổi T, hắt xăng trúng vào người T. Hai bên đuổi đánh nhau quanh quán C1 rồi chạy ra giữa ngã 3 đường giao cắt giữa đường Q (Quốc lộ F) với đường đi vào Bộ Tư lệnh Thủ Đô. Khi T bị ngã đã bị V1 dùng điếu cày đánh nhiều nhát. T nhặt 01 viên gạch ở lề đường ném về phía V1 nhưng không trúng. V1 tiếp tục đuổi nên T chạy vào quán C1 lấy 01 dao chặt bằng kim loại ở bàn chặt, dùng để thái đồ ăn cho khách quay lại đánh nhau với V1. Hai bên đuổi đánh nhau từ quán C1 ra phía đường hướng đi vào Bộ Tư lệnh Thủ Đô, T dùng dao chém trúng bàn tay phải của V1 gây thương tích. Được mọi người can ngăn, T đi về nhà, còn V1 được

đưa vào Bệnh viện Đ sơ cứu vết thương, sau đó chuyển đến Bệnh viện H3 khám và điều trị thương tích.

Hậu quả:

- Đồng Khoa V1 bị 01 vết rách da bàn tay phải, được điều trị tại Bệnh viện H3 từ đêm ngày ngày 08/9/2024 đến ngày 11/10/2024 thì ra viện Chẩn đoán: Gãy nền đốt bàn ngón IV, V; đứt gân gấp nông sâu ngón II-V, gân duỗi cổ tay trụ, đứt thần kinh giữa.

- Tại Biên bản ngày 21/9/2024 tại Công an phường Y về việc xem xét dấu vết trên thân thể Lê Đình T ghi nhận: không phát hiện dấu vết thương tích gì, nhưng T có giao nộp 01 ảnh thể hiện vành tai phải của T có dấu vết sưng nề, bầm tím, T trình bày ảnh này chụp thời điểm sau khi T bị đánh khoảng vài ngày (T không đi khám, điều trị tại cơ sở y tế nào).

Vật chứng thu giữ:

+ Chị Nguyễn Thị H2 giao nộp: 01 dao chặt bằng kim loại tối màu, dài khoảng 40 cm, kích thước lưỡi dao (10x30)cm, chuôi bằng gỗ dài 10cm (đã qua sử dụng); 01 điếu cày bằng tre dài khoảng 80 cm, hình trụ tròn, rỗng giữa, đường kính khoảng 03cm (đã qua sử dụng).

+ Cơ quan điều tra đã thu thập đoạn video dài 05 phút 58 giây được trích xuất từ Camera an ninh lắp đặt tại khu vực xảy ra vụ việc do Công an phường Y quản lý, ghi lại nội dung vụ việc trên, được lưu trữ trong 01 (một) USB.

+ 01 giấy ra viện; 03 giấy chứng nhận phẫu thuật đề các ngày 09/9/2024, 16/9/2024, 04/10/2024 của Bệnh viện H3 liên quan việc điều trị của Đồng Khoa V1 do chị Phạm Anh T2 (là vợ của Đ V1) giao nộp.

Ngày 20/9/2024, chị Phạm Anh T2 có đơn trình báo Công an quận H.

Ngày 12/11/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định thương tích và cơ chế hình thành thương tích đối với Đ V1 và Lê Đình T.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 8846/KL-KTHS ngày 30/12/2024 của V3 - Bộ C2 kết luận về thương tích của Đồng Khoa V1: Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho từng thương tích như sau:

+ Sẹo phẫu thuật mặt trong 1/3 trên cẳng tay phải, kích thước lớn: 03%

+ Sẹo vết thương + phẫu thuật vùng cẳng - bàn tay phải, kích thước lớn: 03%

+ Sẹo phẫu thuật mặt trước cổ tay đến gan bàn tay phải, kích thước trung bình: 02%

+ Diện ghép da vùng cẳng - bàn tay phải, diện tích dưới 01% diện tích cơ thể: 01%

+ Tổn thương phần mềm lòng bàn tay phải, đã phẫu thuật gây hạn chế vận động khớp cổ tay ở tư thế cơ năng (O°): 21%

+ Gãy xương bàn IV, V tay phải: 06%

+ Tổn thương nhánh thần kinh trụ bên phải: 11%

+ Tổn thương nhánh thần kinh giữa bên phải: 11%

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đồng Khoa V1 tại thời điểm giám định là 46%. Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương tại bàn tay phải do vật sắc gây ra.

- Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 8845/KL-KTHS ngày 21/11/2024 của V3 - Bộ C2 kết luận: Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định và khám các chuyên khoa, xác định Lê Đình T bị chấn thương phần mềm tai phải. Hiện tại tai phải không còn dấu vết thương tích. Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Đình T tại thời điểm giám định là 0%. Cơ chế hình thành thương tích: Tổn thương tại vành tai phải của Lê Đình T do vật tày gây ra.

Ngày 25/10/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số A20731/QĐ-VPCQCSĐT để trưng cầu Phân Viện pháp y tâm thần Bắc Miền Trung giám định pháp y tâm thần đối với Lê Đình T. Kết luận giám định giám định pháp y tâm thần số 141/KLGĐ ngày 26/12/2025 của Phân Viện pháp y tâm thần B1 kết luận: Tại thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 08/9/2024) và tại thời điểm giám định, Lê Đình T bị bệnh: Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất gây ảo giác, với trạng thái loạn thần di chứng và khởi phát muộn; theo Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F16.7 (Bệnh có rối loạn nhân cách, hành vi và một số rối loạn tâm thần mức độ nhẹ). Tại các thời điểm nêu trên, T đủ khả năng nhận thức nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, V1 yêu cầu T phải bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền 500.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T1 là mẹ của T đã bồi thường cho V1 100.000.000 đồng. Chiếc mặt bàn đá bị V1 đổ xăng đốt không bị thiệt hại gì và 01 ống nhựa, bên trong có một vài đôi đũa bằng tre, gỗ để ở trên mặt bàn đá, do đã bị cháy, mất giá trị sử dụng nên chị H2 đã vứt đi và không yêu cầu V1 phải bồi thường.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố, các bị cáo Lê Đình T và Đ V1 khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 293/CT-VKS-HS ngày 29/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội truy tố như sau:

- Lê Đình T bị truy tố về Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

- Đồng Khoa V1 bị truy tố về Tội gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận tội phù hợp tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung truy tố.

+ Hành vi của bị cáo Lê Đình T xâm phạm sức khỏe của V1, gây mất trật tự trị an; bị cáo 02 lần bị kết án thể hiện nhân thân xấu, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường 100.000.000 đồng cho V1 và V1 đã có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; bản thân bị cáo bị bệnh về tâm thần hạn chế khả năng điều khiển hành vi, bị cáo có bác ruột là Liệt sỹ nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Đình T từ 05 năm 03 tháng tù đến 05 năm 09 tháng tù.

+ Hành vi của bị cáo Đồng Khoa V1 xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo bị thương tích 46% ảnh hưởng đến sinh hoạt và cuộc sống nên có thể xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đồng Khoa V1 từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của V1, buộc T bồi thường cho V1 các chi phí điều trị có hóa đơn và một số chi phí hợp lý với tổng số tiền từ 125.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng, đối trừ số tiền đã bồi thường.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 dao và 01 điếu cày.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình T: không có ý kiến về tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự Viện kiểm sát truy tố bị cáo. Luật sư cho rằng: Tuyên có nhược điểm về tâm thần hạn chế khả năng điều khiển hành vi, trình độ văn hóa thấp không lường trước được hậu quả của hành vi; mặt khác, V1 có lỗi dẫn đến xô xát giữa hai bên và T bị V1 tấn công nên bị kích động tinh thần; bị cáo 02 lần bị kết án nhưng đều đã được xóa án tích; bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường cho V1

100.000.000 đồng, V1 có đơn đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố đã mất, mẹ bị tai nạn, bị cáo đã ly hôn và bị cáo là người nuôi con nhỏ, bị cáo có bác ruột là Liệt sỹ và bị cáo là người trực tiếp thờ cúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, e, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt dưới mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội. Về trách nhiệm dân sự: V1 yêu cầu bồi thường số tiền 500.000.000 đồng là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Đồng Khoa V1: không có ý kiến về tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo. Luật sư cho rằng cần rút kinh nghiệm đối với một số lỗi trong biên bản lấy lời khai của Cơ quan điều tra. Hành vi của V1 không làm cho T bị kích động mạnh dẫn đến hành vi gây thương tích của T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho V1 và buộc T bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của V1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Đình T và Đ V1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tối ngày 08/9/2024, Đ V1 vào quán C1 ở khu vực ngã 3, giao cắt giữa đường Q (Quốc lộ F) với đường đi vào Bộ Tư lệnh T, thuộc Tổ dân phố A, phường Y, quận H để uống nước, có cầm theo chai xăng đựng trong vỏ chai nhựa dung tích 500ml, do sơ ý V1 đã làm đổ một ít xăng xuống bàn. Lê Đình T khi đó đang ngồi uống nước đã nhắc nhở V1 nên hai người cãi nhau. V1 đổ xăng ra mặt bàn uống nước bằng đá rồi châm lửa đốt cháy, T bực tức nên đã cầm điếu cày bằng tre đánh trúng người V1 rồi bị văng điếu cày khỏi tay. Vũ nhặt điếu cày và cầm chai xăng đuổi theo hắt xăng vào người T. Hai bên đuổi đánh nhau quanh quán C1 rồi chạy ra giữa ngã 3 đường. T bị ngã nên bị V1 dùng điếu cày đánh nhiều nhát vào đầu và người, T nhặt 01 viên gạch ném về phía V1 nhưng không trúng. T chạy vào quán C1 thì V1 tiếp tục cầm điếu cày đuổi theo nên T lấy 01 dao chặt bằng kim loại đuổi đánh nhau với V1 từ quán C1 ra hướng đường đi vào Bộ Tư lệnh Thủ Đô, T dùng dao chém trúng bàn tay phải của V1 gây thương tích 46%.

Xét hành vi của Đồng Khoa V1: khi bị T nhắc nhở việc làm đổ xăng ra bàn, V1 và T đã cãi nhau. V1 đổ xăng ra và châm lửa đốt dẫn đến việc T dùng điếu cày đánh V1 và là nguyên nhân của việc V1 tiếp tục cầm chai xăng đuổi theo hất vào người T, dùng chiếc điếu cày bằng tre dài khoảng 80 cm, hình trụ tròn, rỗng giữa, đường kính khoảng 03cm – là hung khí nguy hiểm đánh nhiều nhát vào người T. T và Vũ đuổi đánh nhau từ trong quán và chạy ra ngoài đường, làm nhiều người có mặt ở đó lo sợ, gây mất trật tự trị an chung. Tuy nhiên, hậu quả của việc đốt lửa chỉ làm hỏng 01 ống nhựa đựng đũa và vài đôi đũa tre, gỗ gây thiệt hại không đáng kể về tài sản của chị H2 (chủ quán), chị H2 không yêu cầu bồi thường nên hành vi của V1 không có tính chất phá phách; đối với việc đánh T bằng điếu cày chỉ gây bầm tím và giám định không có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể T, tức không gây thương tích cho T. Do đó, hành vi của Đ V1 thỏa mãn dấu hiệu của Tội gây rối trật tự công cộng với tình tiết định khung "dùng hung khí" là tình tiết quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Xét hành vi của Lê Đình T: khi T nhắc nhở V1 về việc làm đổ xăng ra bàn, T và Vũ cãi nhau và T là người dùng điếu cày đánh V1 trước, là nguyên nhân của việc V1 cầm chai xăng và điếu cày đuổi đánh T; bị đuổi đánh nên T đã dùng dao dạng dao dùng để chặt bằng kim loại, dài khoảng 40 cm, kích thước lưỡi dao (10x30)cm, chuôi bằng gỗ dài 10cm – là hung khí nguy hiểm chém vào tay V1 gây thương tích 46%. Do đó, hành vi của T thỏa mãn dấu hiệu khách quan của Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo V1 cho rằng ngoài Tội cố ý gây thương tích, cần truy tố T về Tội gây rối trật tự công cộng. Hội đồng xét xử thấy rằng: khi xảy ra xô xát giữa T và V1, cả hai bị cáo đều có hành vi tấn công và đuổi đánh nhau, trong diễn biến đó T đã gây thương tích cho V1, hành vi thỏa mãn dấu hiệu của T3 cố ý gây thương tích; hậu quả mất trật tự trị an khi T đuổi chém, thực hiện hành vi cố ý gây thương tích đối với V1 là hệ quả tất yếu nên không bị Viện kiểm sát truy tố là một tội danh độc lập là có căn cứ.

Về năng lực trách nhiệm hình sự của T: Kết luận giám định pháp y tâm thần số 141/KLGĐ ngày 26/12/2025 của Phân Viện pháp y tâm thần B1 kết luận: Tại thời điểm trước, trong, sau khi thực hiện hành vi phạm tội (ngày 08/9/2024) và tại thời điểm giám định, Lê Đình T bị bệnh: Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất gây ảo giác, với trạng thái loạn thần di chứng và khởi phát muộn; theo Phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), có mã bệnh là: F16.7 (Bệnh có rối loạn nhân cách, hành vi và một số rối loạn tâm thần mức độ nhẹ). Tại các thời điểm nêu trên, T đủ khả năng nhận thức nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Do bị cáo T có đủ khả năng nhận thức về hành vi của mình nên hành vi của bị cáo thỏa mãn dấu hiệu cấu thành Tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Hà Nội truy tố các bị cáo Lê Đình T và Đ V1 theo tội danh và điều khoản nêu trong Cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo thấy rằng:

[3.1] Đối với bị cáo Lê Đình T: Hành vi của bị cáo cố ý xâm phạm sức khỏe của Đồng Khoa V1 với tỷ lệ tổn thương là 46%, cần xử lý nghiêm khắc.

Về nhân thân:

+ Bản án hình sự số 121/2012/HSST ngày 27/02/2012 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt Lê Đình T 24 tháng tù về Tội gây rối trật tự công cộng, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng kể từ ngày tuyên án; phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 27/02/2016, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; đã nộp án phí vào ngày 27/02/2012.

+ Bản án hình sự số 91/2018/HSST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt Lê Đình T 20 tháng tù về Tội cưỡng đoạt tài sản; phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bản án xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Ngày 08/5/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; đã nộp án phí vào ngày 10/10/2018.

Áp dụng các điều 70 và 73 của Bộ luật Hình sự, bị cáo đã được xóa án tích đối với 02 bản án nêu trên.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; đã nhờ mẹ của bị cáo đã bồi thường cho V1 100.000.000 đồng, V1 đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo; theo kết luận giám định pháp y tâm thần, bị cáo bị bệnh Rối loạn tâm thần và hành vi, đủ khả năng nhận thức nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi; nguyên nhân dẫn đến hành vi gây thương tích từ sự việc xô xát giữa V1 và T và sự tấn công của V1; bị cáo có bác ruột là Liệt Sỹ Lê Đình X trước đây do bố bị cáo thờ cúng, nay bố bị cáo đã mất nên bị cáo là người thờ cúng Liệt sỹ theo phong tục tập quán nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt.

Xét bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội rất nghiêm trọng với lỗi cố ý, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[3.2] Đối với bị cáo Đồng Khoa V1: chỉ vì lời nhắc nhở của T khi V1 làm đổ xăng ra bàn mà V1 lời qua tiếng lại cãi nhau với T rồi cầm chai xăng đổ xăng ra mặt bàn uống nước bằng đá và châm lửa đốt cháy, thể hiện sự thách thức đối với T và coi thường trật tự trị an chung; sau khi bị T sử dụng điếu cày đánh thì V1 cầm chai

xăng đuổi theo hất vào người T, rồi dùng điếu cày đánh nhiều nhát vào người T. Hành vi của V1 là nguyên nhân của mâu thuẫn ngày càng tăng dẫn đến hành vi gây thương tích bằng dao của T đối với V1, cần xử lý nghiêm.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo dưới sự giám sát và giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, T phải bồi thường cho V1 thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, V1 yêu cầu T bồi thường số tiền 500.000.000 đồng, mẹ bị cáo T đã bồi thường 100.000.000 đồng. V1 thống kê các khoản chi với tổng số tiền là 238.822.800 đồng (BL404, 405), bao gồm: chi phí điều trị thương tích, phục hồi chức năng, sinh hoạt, đi lại phục vụ việc khám và điều trị.

[4.1] Đồng Khoa V1 xuất trình tài liệu chứng minh (BL405 đến 443):

+ Biên lai thu tiền của Bệnh viện Đ ngày 08/9/2024, số tiền 435.420 đồng;

+ Bảng kê chi phí nội trú của của Bệnh viện H3 điều trị từ 23 giờ 37 phút ngày 08/9/2024 đến 10 giờ 36 phút ngày 11/10/2024 (điều trị vết thương hở ở cổ tay và bàn tay) - Hóa đơn bán hàng của Bệnh viện H3 ngày 11/10/2024, số tiền 24.714.256 đồng;

+ Hóa đơn mua thuốc theo đơn ngày 21/10/2024, số tiền 680.000 đồng;

+ Hóa đơn bán hàng của Bệnh viện H3 ngày 11/10/2024, số tiền 260.000 đồng;

+ Hóa đơn bán hàng của Bệnh viện H3 ngày 21/10/2024, số tiền 42.100 đồng;

+ Hóa đơn mua thuốc theo đơn ngày 06/11/2024, số tiền 395.000 đồng;

+ Hóa đơn bán hàng của Bệnh viện H3 ngày 11/11/2024, số tiền 50.600 đồng;

+ Bảng kê chi phí của Bệnh viện Đ1 ngày 18/12/2024, số tiền 120.000 đồng;

+ Bảng kê chi phí của Bệnh viện Đ1 ngày 18/12/2024, số tiền 168.000 đồng;

+ Bảng kê chi phí của Bệnh viện Đ1 ngày 18/12/2024, số tiền 135.000 đồng;

+ Biên lai thu tiền của Bệnh viện Đ (Khoa phục hồi chức năng) ngày 02/01/2025, số tiền 643.420 đồng;

+ Biên lai thu tiền của Bệnh viện Đ (Khoa phục hồi chức năng) ngày 13/8/2025, số tiền 876.220 đồng;

+ Hóa đơn bán hàng của Bệnh viện P ngày 24/01/2025, số tiền 705.220 đồng;

+ Biên lai thu tiền của Bệnh viện P ngày 14/02/2025, số tiền 187.080 đồng;

+ Đơn mua thuốc của Bệnh viện TWQĐ 108 ngày 10/3/2025, số tiền 1.663.000 đồng;

+ Bảng kê thu phí dịch vụ y tế của Bệnh viện TWQĐ 108 ngày 10/3/2025, số tiền 446.000 đồng;

+ Biên lai thu tiền của Bệnh viện TWQĐ 108 ngày 14/5/2025, số tiền 157.000 đồng;

+ Bảng kê thu phí dịch vụ y tế của Bệnh viện TWQĐ 108 ngày 28/5/2025, số tiền 1.410.000 đồng;

+ Đơn mua hàng của Bệnh viện TWQĐ 108 (Khoa chấn thương chi trên và vi phẫu thuật) ngày 04/6/2025, số tiền 945.800 đồng;

+ Đơn mua hàng của Bệnh viện TWQĐ 108 (Khoa chấn thương chi trên và vi phẫu thuật) ngày 07/6/2025, số tiền 1.522.500 đồng;

+ Biên lai thu tiền của Bệnh viện TWQĐ 108 (Khoa chấn thương chi trên và vi phẫu thuật) ngày 11/6/2025, số tiền 2.912.000 đồng;

+ Bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú của Bệnh viện TWQĐ 108 vào viện ngày 02/6/2025, ra viện ngày 11/6/2025, số tiền 15.475.214 đồng.

Tổng 53.943.830 đồng.

[4.2] Ngoài các hóa đơn chứng từ trên, V1 yêu cầu bồi thường các chi phí y tế, thăm khám và điều trị không có hóa đơn (BL404, 405), gồm các khoản:

+ Xe cấp cứu: 1.500.000 đồng;

+ Thuê cáng (04 lần): 800.000 đồng;

+ Phí giường nằm bệnh viện: 24.000.000 đồng;

+ Phí thuê giường cho người nhà chăm sóc ở bệnh viện: 1.400.000 đồng;

+ Phí vệ sinh cá nhân (DV bệnh viện): 450.000 đồng;

+ Thuê máy hút dịch và vật tư điều trị Việt Đức: 16.450.000 đồng;

+ Vật tư, đồ phục vụ trước mổ (BV H4 mua) – 03 lần mổ: 4.500.000 đồng;

+ Vật tư, đồ phục vụ trong mổ (BV hướng dẫn mua) – 03 lần mổ: 5.800.000 đồng;

+ Vật tư, đồ phục vụ sau mổ (BV hướng dẫn mua) – 03 lần mổ: 4.800.000 đồng;

+ Vật tư thay thế: 750.000 đồng;

+ Chọn bác sỹ mổ: 12.000.000 đồng;

+ Thuốc ngoài đơn: 3.800.000 đồng;

+ Thuê rửa vết thương, thay băng (có chụp chuyển khoản): 2.500.000 đồng;

+ Chi phí thuốc theo đơn: 1.360.000 đồng;

+ Thuốc bôi sẹo (02 tuýp): 1.360.000 đồng;

+ Thuốc phục hồi chức năng: 200.000 đồng;

+ Chi phí tập PHCN ngoài đợt được hưởng BHYT (300.000 đồng/buổi): 6.000.000 đồng;

+ Khám bác sỹ đông y – thuốc tập phục hồi (đông y): 2.000.000 đồng;

+ Phí làm thẻ thăm khám: 100.000 đồng;

+ Tiền giường phòng tự nguyện: 8.000.000 đồng;

+ Chi phí chọn bác sỹ: 11.000.000 đồng;

+ Chi phí thuê bác sỹ tập ngoài + thuốc: 8.000.000 đồng;

+ Vật tư y tế tại nhà: 3.740.000 đồng;

+ Dụng cụ phục hồi chức năng tại nhà: 7.740.000 đồng

Tổng: 128.266.000 đồng.

[4.3] Đồng Khoa V1 yêu cầu bồi thường các chi phí sinh hoạt và đi lại trong quá trình điều trị không có hóa đơn (BL405), gồm các khoản:

+ Chi phí sữa (4 hộp Ensure): 7.660.000 đồng;

+ Chi phí ăn uống tại Bệnh viện H3 (31 ngày): 6.500.000 đồng;

+ Phí thuê nhà trọ cho người chăm: 15.200.000 đồng;

+ Phí thuê người trông – chăm tại viện: 15.000.000 đồng;

+ Chi phí ăn uống tại Bệnh viện A1 (10 ngày): 2.500.000 đồng;

+ Chi phí di chuyển đi lại trong suốt 1 năm điều trị (5 viện điều trị, phục hồi, thăm khám): 6.200.000 đồng.

Tổng: 53.060.000 đồng.

Cộng tổng các khoản chi có hóa đơn và các khoản chi khác do V1 xuất trình và yêu cầu là 235.269.830 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo T và người đại diện hợp pháp của bị cáo T không nhất trí bồi thường theo các yêu cầu của V1, các bên không tự thỏa thuận đươc nên Hội

đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xem xét. Áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự, cần chấp nhận các khoản tiền khám, điều trị, phục hồi chức năng, thuốc; tiền mất thu nhập do phải nghỉ làm điều trị thương tích; tiền người nhà chăm sóc thời gian nằm viện; tiền tổn thất tinh thần do bị gây thương tích 46%. Về mức bồi thường, trên cơ sở hóa đơn thanh toán và chi phí hợp lý các khoản tiền không có hóa đơn, cần chấp nhận các mức bồi thường như sau:

- Tiền khám, điều trị, phục hồi chức năng, thuốc: chấp nhận toàn bộ các hóa đơn chứng từ chi phí khám chữa bệnh V1 đã giao nộp, tổng số tiền là 53.943.830 đồng, làm tròn là 53.944.000 đồng.

- Đối với các chi phí y tế, thăm khám, điều trị, các chi phí sinh hoạt và đi lại trong quá trình điều trị không có hóa đơn: Bảng kê chi phí điều trị nội trú của Bệnh viện H3 (BL407 đến 418) và B kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú của Bệnh viện A1 (BL442 đến 443) đã kê chi tiết từng khoản, gồm: các xét nghiệm, chụp chẩn đoán hình ảnh; các thủ thuật, phẫu thuật đều đã bao gồm các vật tư y tế và thuốc phục vụ cho thủ thuật, phẫu thuật; gói chăm sóc theo yêu cầu, dịch vụ tự nguyện, người nhà ở lại phòng bệnh; tiền giường và dinh dưỡng cho bệnh nhân; đồng thời trong các chi phí có hóa đơn cũng đã có các chi phí cho phục hồi chức năng. Do đó không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ các khoản chi theo yêu cầu của V1 nêu trên. Tuy nhiên, trên cơ sở chi phí hợp lý, cần chấp nhận các khoản sau:

+ Xe cấp cứu là 1.500.000 đồng: xét thấy V1 bị chém vào tay và phải đi cấp cứu nên có thể chấp nhận.

+ Chi phí ăn uống tại Bệnh viện A1 (10 ngày) là 2.500.000 đồng: trong Bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú của Bệnh viện TWQĐ 108 không có khoản tiền suất ăn, dinh dưỡng nên chấp nhận.

+ Chi phí di chuyển đi lại trong 1 năm điều trị, phục hồi, thăm khám: chấp nhận mức hợp lý là 5.000.000 đồng.

+ Chi phí sữa (4 hộp Ensure): 7.660.000 đồng, là cần thiết để bồi dưỡng phục hồi sức khỏe.

Tổng: 16.660.000 đồng.

- Đối với khoản tiền mất thu nhập do phải nghỉ làm điều trị thương tích: Vũ điều trị nội trú tại Bệnh viện H3 từ đêm ngày 08/9/2024 đến ngày 11/10/2024, tổng 31 ngày; điều trị nội trú tại Bệnh viện TWQĐ 108 từ ngày 02/6/2025 đến ngày 11/6/2025, tổng 10 ngày. Tổng 02 đợt điều trị tại Bệnh viện là 41 ngày và nghỉ dưỡng sau khi ra viện, tổng thời gian tính hợp lý là 02 tháng. V1 không có nghề nghiệp ổn định nên không có bảng lương, là lao động tự do, theo xác minh tại Cục Thống kê thành phố H cơ sở H, thu nhập bình quân đầu người của phường Y năm 2025 là 103.400.000 đồng, tính là 8.616.666 đồng/tháng, làm tròn là 8.617.000

đồng. Do đó tiền mất thu nhập của V1 là 2 tháng x 8.616.666 đồng = 17.234.000 đồng.

- Đối với khoản tiền chi phí hợp lý cho người chăm sóc trong thời gian điều trị: trong Bảng kê chi phí của Bệnh viện H3 đã có gói chăm sóc theo yêu cầu, khoản này đã được tính trong các khoản có hóa đơn; đối với thời gian điều trị tại Bệnh viện TWQĐ 108, trong Bảng kê chi phí của Bệnh viện có mục thanh toán Gói người nhà ở lại phòng bệnh và không có mục chi phí cho gói chăm sóc, do đó cần tính tiền mất thu nhập cho người chăm sóc trong thời gian V1 điều trị tại Bệnh viện TWQĐ 108 với tổng thời gian 10 ngày là (8.617.000 đồng : 30 ngày) x 10 ngày = 2.872.333 đồng, làm tròn là 2.872.000 đồng.

- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: V1 bị thương tích 46%, bản thân V1 có lỗi trong việc làm phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hậu quả bị gây thương tích, do đó cần buộc T bù đắp tổn thất tinh thần cho V1 tương ứng 15 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, số tiền: 15 x 2.340.000 đồng = 35.100.000 đồng.

Tổng cộng các khoản bồi thường: 125.810.000 đồng.

Tuyên bồi thường 100.000.000 đồng, do đó T còn phải bồi thường cho V1 số tiền 25.810.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 dao chặt bằng kim loại tối màu, dài khoảng 40 cm, kích thước lưỡi dao (10x30)cm, chuôi bằng gỗ dài 10cm (đã qua sử dụng); 01 điếu cày bằng tre dài khoảng 80 cm, hình trụ tròn, rỗng giữa, đường kính khoảng 03cm (đã qua sử dụng), là công cụ các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Bị cáo Lê Đình T được trừ thời gian tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày tạm giam được tính trừ một ngày tù.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn phải bồi thường cho V1 là: 25.810.000 đồng x 5% = 1.290.500 đồng, làm tròn là 1.290.000 đồng; các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo T và người bào chữa cho bị cáo T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Đình T phạm Tội cố ý gây thương tích; bị cáo Đồng Khoa V1 phạm Tội gây rối trật tự công cộng.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Đình T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đồng Khoa V1 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đồng Khoa V1 cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Đồng Khoa V1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời hạn thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 587, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Đình T bồi thường cho bị cáo Đồng Khoa V1 thiệt hại về sức khỏe bị xâm phạm, gồm các khoản sau:

- Tiền khám, điều trị, phục hồi chức năng, thuốc: 53.944.000 đồng.

- Các chi phí y tế, thăm khám, điều trị, các chi phí sinh hoạt và đi lại trong quá trình điều trị không có hóa đơn:

+ Xe cấp cứu: 1.500.000 đồng;

+ Chi phí ăn uống tại Bệnh viện A1 (10 ngày): 2.500.000 đồng;

+ Chi phí di chuyển đi lại trong 1 năm điều trị, phục hồi, thăm khám: 5.000.000 đồng;

+ Chi phí sữa (4 hộp Ensure): 7.660.000 đồng.

- Tiền mất thu nhập do V1 phải nghỉ làm điều trị thương tích: 17.234.000 đồng;

- Tiền chi phí cho người chăm sóc trong thời gian điều trị: 2.872.000 đồng;

- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần: 35.100.000 đồng.

Tổng cộng các khoản bồi thường: 125.810.000 (một trăm hai mươi lăm triệu tám trăm mười nghìn) đồng.

Lê Đình T đã bồi thường 100.000.000 đồng, Lê Đình T còn phải bồi thường cho Đồng Khoa V1 số tiền 25.810.000 (hai mươi lăm triệu tám trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại

khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) dao chặt bằng kim loại tối màu, dài khoảng 40 cm, kích thước lưỡi dao (10x30)cm, chuôi bằng gỗ dài 10cm (đã qua sử dụng);

+ 01 (một) điếu cày bằng tre dài khoảng 80 cm, hình trụ tròn, rỗng giữa, đường kính khoảng 03cm (đã qua sử dụng).

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Kho vật chứng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/6/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Hà Nội).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lê Đình T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.290.000 (một triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Đồng Khoa V1 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo Lê Đình T, Đồng Khoa V; người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đình T, người bào chữa cho bị cáo Lê Đình T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/3/2026.

Nơi nhận:
- Công an thành phố Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Hà Nội;
- Các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Tuyên;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Ánh